TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NÚI THÀNH** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 03/2018/QĐST-HNGĐ	*Núi Thành, ngày 29 tháng 11 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÚI THÀNH, TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 21 tháng 11 năm 2018 và Đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự ngày 21 tháng 11 năm 2018.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân – gia đình thụ lý số: 03A/2018/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2018 về việc "yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Ông Trần Hải Â, sinh năm: 1990

Bà Châu Thị Ánh N, sinh năm: 1993;

Cùng trú tại: Thôn S, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Hải Â, sinh năm: 1990 và bà Châu Thị Ánh N, sinh năm: 1993 đăng ký kết hôn vào năm 2011 theo số: 108/2011 ngày 31 tháng 10 năm 2011 tại UBND xã Tam Quang, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam trên cơ sở tự nguyện. Do vậy, đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Trong quá trình chung sống giữa ông Â và bà N phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng, nguyên nhân là do bất đồng tính tình và quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã; hiện nay vợ chồng không còn tình cảm với nhau.

Xét thấy: Mâu thuẫn của ông Â và bà N đã trầm trọng, không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn, việc thuận tình ly hôn của ông Â và bà N là tự nguyện,

không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình để công nhận thuận tình ly hôn cho ông Â và bà N.

[2] Về con chung: Ông Â và bà N có 01 con chung là: Trần Hải Â1, sinh ngày 04/01/2011. Khi ly hôn, ông Â và bà N thống nhất thỏa thuận như sau: Ông Trần Hải Â trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Hải Â1, sinh ngày 04/01/2011. Ông Trần Hải Â không yêu cầu bà Châu Thị Ánh N cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy sự thỏa thuận về việc nuôi con chung và việc không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của ông Â và bà N là tự nguyện, phù hợp với Điều 58 Luật Hôn nhân và Gia đình nên chấp nhận.

[3] Về tài sản chung nợ chung và cho mượn nợ chung: Ông Â và bà N xác nhận không có nên Tòa án không đề cập đến.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Hải Â và bà Châu Thị Ánh N thỏa thuận thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông Trần Hải Â trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Hải Â1, sinh ngày 04/01/2011 đến đủ 18 tuổi trưởng thành. Ông Trần Hải Â không yêu cầu bà Châu Thị Ánh N cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên thì Tòa án có thể quyết định cho thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung và cho mượn nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) ông Trần Hải Â tự nguyện chịu được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số: 0004007 ngày 21 tháng 11 năm 2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam. Ông Trần Hải Â đã nộp đủ lệ phí Hôn nhân và gia đình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Người yêu cầu;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành;
- UBND xã Tam Quang;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

(đã ký và đóng dấu)

NGUYỄN CÔNG THẮNG